TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/HS-ST
Ngày: 06-9-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm MINH Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hữu Bình;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Phi.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Trần Văn Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa*****:** Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 30/2019/TLST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2019/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 8 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lê Anh T (tên gọi khác: T1), sinh năm 1990, tại Thành phố Hồ Chí MINH; nơi cư trú: Ấp T2, xã T3, huyện C, Thành phố Hồ Chí MINH; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Lê Văn L, sinh năm 1969 và bà Tạ Thị X, sinh năm 1971; tiền án: 02 tiền án, Bản án số 119/2010/HSST ngày 04/8/2010 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí MINH tuyên phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; Bản án số 88/2012/HSST ngày 25/4/2012 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương tuyên phạt 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; Bản án số 158/2012/HSST ngày 06/7/2012 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương tuyên phạt 42 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", tổng hợp hình phạt của Bản án số 88/2012/HSST ngày 25/4/2012 tuyên phạt 57 tháng tù; Bản án số 204/2012/HSST ngày 28/9/2012 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương tuyên phạt 30 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", tổng hợp hình phạt của Bản án số 158/2012/HSST ngày 6/7/2012 tuyên phạt 07 năm 03 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; Bản án số 233/2012/HSST ngày

14/11/2012 của Tòa án nhân dân huyện C, thành phố Hồ Chí MINH tuyên phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", tổng hợp hình phạt của Bản án số 204/2012/HSST ngày 28/9/2012 buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 09 năm 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; ngày 20/3/2019, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt giữ trong trường hợp khẩn cấp từ ngày 23/4/2019, chuyển sang tạm giam từ ngày 29/4/2019 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Nguyễn Anh K (tên gọi khác: M), sinh năm 1992, tại Thành phố Hồ Chí MINH; nơi cư trú: Ấp T2, xã T3, huyện C, Thành phố Hồ Chí MINH; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn E, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1958; tiền án: 01 tiền án, Bản án số 158/2012/HSST ngày 06/7/2012 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương tuyên phạt 36 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; Bản án số 204/2012/HSST ngày 28/9/2012 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương tuyên phạt 28 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", tổng hợp hình phạt của Bản án số 158/2012/HSST ngày 6/7/2012 buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung 05 năm 04 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; Bản án số 233/2012/HSST ngày 14/11/2012 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí MINH tuyên phạt 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", tổng hợp hình phạt của Bản án số 204/2012/HSST ngày 28/9/2012 buộc bị cáo phải chấp hành chung là 07 năm 04 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; ngày 29/8/2017, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt giữ trong trường hợp khẩn cấp từ ngày 23/4/2019, chuyển sang tạm giam từ ngày 29/4/2019 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*:

1. Ông Nguyễn Chí T, sinh năm 1979; HKTT: Ấp 4, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đồng Tháp; tạm trú: Khu phố 6, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương (bị hại có mặt tại phiên tòa).

2. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1976; HKTT: Ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương (bị hại có mặt tại phiên tòa).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1. Ông Nguyễn Xuân MINH, sinh năm 1970; địa chỉ: Ấp T2, xã T3, huyện C, Thành phố Hồ Chí MINH (có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa).

2. Bà Lê Ngọc L, sinh năm 1979; địa chỉ: Ấp 4, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí MINH (có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Anh T và Nguyễn Anh K có mối quan hệ bạn bè. T có 02 tiền án và K

có 01 tiền án về tội "Trộm cắp tài sản", cả hai cùng bị kết án lần sau cùng tại Bản án số 233/2012/HSST ngày 14/11/2012 của Tòa án nhân dân huyện C, thành phố Hồ Chí MINH và cùng chấp hành án tại Trại giam Cây C6. Ngày 29/8/2017, K chấp hành xong hình phạt tù (án phạt 07 năm 04 tháng). Ngày 20/3/2019, T chấp hành xong hình phạt tù (án phạt 09 năm 09 tháng). Sau khi ra tù, T và K trở về địa phương sinh sống, thường xuyên đi chơi chung với nhau và tiếp tục thực hiện trộm cắp tài sản. Cụ thể như sau:

Khoảng 22 giờ 00 phút ngày 22/4/2019, khi cả hai ngồi uống nước gần nhà thì T rủ K đến thị trấn D, huyện D chơi, K đồng ý. Khi đi, K điều khiển xe mô tô hiệu Clasicc màu xanh trắng biển số 54Y4-5187, chở T đến thị trấn D. Trên đường đi, T nhớ trong cốp xe có cờ lê và mỏ lết nên nảy sinh ý định tìm kiếm tài sản để trộm cắp. Để thực hiện ý định này, T nhìn hai bên đường xem có tài sản không người trông coi để trộm cắp. Đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 23/4/2019, K chở T đi ngang qua xưởng cưa gỗ của ông Nguyễn Chí T, sinh năm 1979, địa chỉ: Khu phố 6, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương. Phát hiện xưởng cưa gỗ không có người trông coi nên T nói K dừng xe lại ở giữa cầu Suối Dứa thuộc khu phố 6, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương. Tại đây, T nói K mở cốp xe để lấy cờ lê và mỏ lết. Mặc dù không có thỏa thuận trước nhưng do trước đó, K đã cùng T thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản, đồng thời nhìn thấy xưởng gỗ không có người nên K biết T vào xưởng gỗ để tìm tài sản trộm cắp. K mở cốp xe cho T lấy 01 cái cờ lê hiệu 12 CHROME VANADIUM 12; 01 cái cờ lê hiệu 13 CHROME VANADIUM 13 và 01 cái mỏ lết hiệu FORGED STEEL, 01 cái kéo hiệu A02. K đứng ở ngoài xưởng gỗ để cảnh giới. T đi vào xưởng gỗ phát hiện có 01 máy cưa gỗ có gắn mô tơ hiệu VTC-1P3H4P nên T lấy cờ lê mở ốc vít xung quanh và dùng kéo cắt dây điện để lấy mô tơ. T mang mô tơ ra ngoài thì T nhìn thấy 01 máy phay hiệu Maktec-MT362, 01 máy phay hiệu Maktec-MT583, 01 cái máy mài hiệu 9553NB để ở trên giá đỡ nên T mang mô tơ VTC-1P3H4P đi ra để ở mép cầu Suối Dứa. Sau đó, T tiếp tục quay lại xưởng gỗ lấy 01 máy phay hiệu Maktec-MT362, 01 cái máy phay hiệu Maktec-MT583, 01 cái máy mài hiệu 9553NB trên giá đỡ và đi lên cầu Suối Dứa. Lúc này, K nhìn thấy nên lại chỗ T ôm 03 cái máy bỏ ở bệ để chân phía trước xe mô tô biển số 54Y4-5187 và bỏ cờ lê, mỏ lết, kéo vào cốp xe. Sau đó, T đi xuống dưới chân cầu Suối Dứa ôm mô tơ và ngồi lên xe cho K chở về theo hướng huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí MINH để tìm nơi tiêu thụ.

Khi đi được khoảng 05 km thì T phát hiện nhà ông Hồ Thanh B1, sinh năm 1975, địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương có 01 máy trộn bê tông của ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1976, ngụ tại Ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương có gắn 01 mô tơ hiệu NYC – Motor, T nói K dừng xe lại. Khi K dừng xe lại thì T bỏ mô tơ hiệu VTC-1P3H4 xuống đất và nói K mở cốp xe. K biết T lấy để trộm cắp tài sản nên mở cốp xe cho T. T lấy 01 cái cờ lê hiệu 13 CHROME VANADIUM 13 và 01 cái kéo hiệu A02 đi vào trong sân nhà ông Bình còn K đứng ở ngoài cảnh giới. T đi lại chỗ máy trộn bê tông và lấy cờ lê mở ốc vít và lấy kéo cắt dây điện để lấy 01 mô tơ hiệu NYC - Motor và mang ra

ngoài chỗ K đứng. T đặt chồng 02 mô tơ và lên xe ngồi phía sau ôm cho K chở. Sau đó, K tiếp tục chở T theo hướng về huyện C, Thành phố Hồ Chí MINH để tìm nơi tiêu thụ tài sản vừa trộm được. Trên đường đi, T và K bị Công an xã Phú Mỹ H, huyện C bắt giữ cùng các tang vật như sau:

- 01 xe mô tô biển số 54Y4 - 5187, số máy 4D11- 013113, số khung 4D1107Y – 013113, cùng 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 54Y4 – 5187;

- 01 cái mô tơ hiệu NYC – Motor;

- 01 cái mô tơ hiệu VTC-1P3H4;

- 01 cái máy phay hiệu Maktec-MT362;

- 01 cái máy phay hiệu Maktec-MT583;

- 01 cái máy mài hiệu 9553NB;

- 01 cái cờ lê hiệu 12 CHROME VANADIUM 12;

- 01 cái cờ lê hiệu 13 CHROME VANADIUM 13;

- 01 cái mỏ lết hiệu FORGED STEEL;

- 01 cái kéo hiệu A02;

Bản Kết luận định giá tài sản số 10/KL-HĐĐG ngày 26/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân huyện Dầu Tiếng kết luận:

- 01 mô tơ hiệu VTC-1P3H4P trị giá 1.900.000 đồng;

- 01 máy phay hiệu Maktec-MT362 trị giá 700.000 đồng;

- 01 cái máy phay hiệu Maktec-MT583 trị giá 800.000 đồng;

- 01 cái máy mài hiệu 9553NB trị giá 500.000 đồng;

- 01 mô tơ hiệu NYC Motor trị giá 2.600.000 đồng;

Tổng tài sản thiệt hại là: 6.500.000 đồng.

Ngày 07/5/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng đã trả: 01 cái mô tơ hiệu VTC-1P3H4, 01 cái máy phay hiệu Maktec-MT362, 01 cái máy phay hiệu Maktec-MT583, 01 cái máy mài hiệu 9553NB cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Nguyễn Chí T; trả 01 mô tơ hiệu NYC – Motor cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Nguyễn Văn T1.

Đối với 01 xe mô tô biển số 54Y4 - 5187, số máy 4D11-013113, số khung 4D1107Y-013113 và 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 54Y4 - 5187. Quá trình điều tra đã xác định: Xe mô tô biển số 54Y4 – 5187 do ông Nguyễn Xuân MINH, sinh năm 1970, HKTT: Ấp T2, xã T3, huyện C, Thành phố Hồ Chí MINH là người đứng tên chủ sở hữu. Năm 2016, ông MINH đã tặng cho bà Lê Ngọc L, sinh năm 1979, HKTT: Ấp 4, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vợ ông M1) để sử dụng nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Đến tháng 4/2019, bà L tặng cho lại bị cáo T chiếc xe này để sử dụng.

Đối với 01 cái cờ lê hiệu 12 CHROME VANADIUM 12, 01 cái cờ lê hiệu 13 CHROME VANADIUM 13, 01 cái mỏ lết hiệu FORGED STEE, 01 cái kéo hiệu A02. Quá trình điều tra xác định đây là công cụ bị cáo T và bị cáo K thực hiện tội phạm.

Tại Bản Cáo trạng số 32/CT-VKSDT-HS ngày 06/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương đã quyết định truy tố:

- Bị cáo Lê Anh T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Bị cáo Nguyễn Anh K về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương giữ nguyên quan điểm và quyết định truy tố đối với hai bị cáo T và K như Bản Cáo trạng số 32/CT-VKSDT-HS ngày 06/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương và đề nghị:

- *Về hình phạt*:

+ Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Lê Anh T từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù đến 04 (bốn) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản".

+ Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Anh K 02 (hai) năm tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

- *Về trách nhiệm dân sự*: Tài sản hai bị cáo T và K chiếm đoạt đã được thu hồi trao trả cho bị hại. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết.

- *Về biện pháp tư pháp*:

+ Đối với 01 xe mô tô biển số 54Y4-5187, số máy 4D11-013113, số khung 4D1107Y-013113 và 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 54Y4-5187, đây là phương tiện hai bị cáo dùng thực hiện tội phạm nên đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

+ Đối với 01 cái cờ lê hiệu 12 CHROME VANADIUM 12, 01 cái cờ lê hiệu 13 CHROME VANADIUM 13, 01 cái mỏ lết hiệu FORGED STEE, 01 cái kéo hiệu A02, đây là công cụ hai bị cáo dùng thực hiện tội phạm, không còn giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Tại phiên tòa, hai bị cáo T và K thống nhất ý kiến, không tranh luận về việc truy tố và luận tội của đại diện Viện kiểm sát; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt

để hai bị cáo sớm có điều kiện cải tạo làm người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

Tại phiên tòa, bị hại T1và bị hại T1 yêu cầu Tòa án xét xử các bị cáo theo quy định của pháp luật; tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi nên không yêu cầu hai bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Quá trình điều tra và tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông M1 và bà L có ý kiến: Đối với 01 xe mô tô biển số 54Y4-5187 cùng 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 54Y4-5187 là của ông M1 đứng tên chủ sở hữu, ông M1 đã tặng cho bà L và bà L đã tặng cho bị cáo T nhưng chưa làm thủ tục sang tên theo quy định. Ông M1 và bà L không có yêu cầu gì trong vụ án này, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng và Điều tra viên, cơ quan Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định và không bị ai khiếu nại gì về việc tiến hành các hoạt động tố tụng, thu thập chứng cứ đối với vụ án nên toàn bộ hoạt động tố tụng, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, hai bị cáo T và K thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, cụ thể: Khoảng 00 giờ 30 phút, ngày 23/4/2019, hai bị cáo T và K đã có hành vi trộm cắp tài sản là mô tơ hiệu VTC-1P3H4P, 01 máy phay hiệu Maktec-MT362, 01 máy phay hiệu Maktec-MT583, 01 cái máy mài hiệu 9553NB của ông Nguyễn Chí T, sau đó tiếp tục lấy trộm tài sản là mô tơ hiệu NYC – Motor của ông Nguyễn Văn T1. Hai bị cáo T và K bị Công an xã Phú Mỹ H, huyện C bắt giữ khi trên đường mang tài sản lấy trộm được đi tiêu thụ. Lời khai nhận của hai bị cáo T và K tại phiên tòa là phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án cùng các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Tổng trị giá tài sản hai bị cáo đã có hành vi chiếm đoạt của ông Nguyễn Chí T có trị giá 3.900.000 đồng và chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn T1 có trị giá 2.600.000 đồng theo Bản kết luận định giá tài sản số 10/KL-HĐĐG ngày 26/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân huyện Dầu Tiếng. Do đó, Bản Cáo trạng số 32/CTr-VKSDT-HS ngày 06/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương truy tố đối với hai bị cáo T và K về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[3] Hành vi lén lút vào nhà của người dân lấy trộm tài sản của hai bị cáo T và K đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại được pháp luật hình sự bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án, gây hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân trong việc quản lý tài sản vào ban đêm. Hai bị cáo là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có đầy đủ năng lực hành vi, có đủ nhận thức để biết việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng cố ý lấy trộm tài sản của người khác nên phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội của mình đã gây ra.

[4] Xét hành vi, động cơ, mục đích, mức độ phạm tội "Trộm cắp tài sản" của hai bị cáo T và K thì vụ án có tính đồng phạm giản đơn, không có sự phân công, không có tổ chức chặt chẽ cho từng thành viên. Hai bị cáo là kẻ lười lao động nhưng muốn được hưởng thụ trên tài sản hợp pháp do người khác tạo dựng được. Để cá thể hóa hình phạt cho từng bị cáo thì cần phải xem xét vai trò cụ thể của mỗi bị cáo khi thực hiện tội phạm:

[4.1] Đối với bị cáo T: Bị cáo T có 02 tiền án về tội phạm chiếm đoạt tài sản, bị xử phạt tổng cộng 09 năm 09 tháng tù, chưa được xóa án tích. Lẽ ra, khi chấp hành hình phạt nêu trên bị cáo đã rút ra được bài học cho bản thân, nhận thức được hậu quả từ hành vi trái pháp luật gây ra cũng như sự nghiêm MINH của pháp luật Nhà nước ta. Ngược lại, bị cáo T mới chấp hành xong hình phạt trở về địa phương đã liên tiếp và trực tiếp thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 6.500.000 đồng là thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Do đó, bị cáo T bị truy tố và đưa ra xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 là hoàn toàn phù hợp, đúng quy định.

[4.2] Đối với bị cáo K: Bị cáo K có nhân thân rất xấu, nhiều lần thực hiện tội phạm chiếm đoạt tài sản, bị xử phạt tổng cộng 07 năm 04 tháng tù, chưa được xóa án tích. Lẽ ra, khi chấp hành hình phạt nêu trên bị cáo đã rút ra được bài học cho bản thân, nhận thức được hậu quả từ hành vi trái pháp luật gây ra cũng như sự nghiêm minh của pháp luật Nhà nước ta. Khi biết bị cáo T có hành vi vi phạm pháp luật, lẽ ra bị cáo phải khuyên bảo T dừng ngay việc vi phạm, ngược lại bị cáo đã giúp sức cho đồng bọn từ việc điều khiển xe, cảnh giới, mang tài sản chiếm đoạt bỏ lên xe và vận chuyển tài sản đi tiêu thụ để thực hiện liên tiếp 02 vụ trộm cắp tài sản với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 6.500.000 đồng là thuộc trường hợp tái phạm. Do đó, bị cáo K bị truy tố và đưa ra xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định.

[5] Để đảm bảo công tác đấu tranh phòng chống tội phạm mà đặc biệt là tội phạm xâm phạm quyền sở hữu trên địa bàn huyện Dầu Tiếng nói riêng và cả nước nói chung nên cần phải xử lý thật nghiêm bằng hình phạt tù để hai bị cáo có điều kiện được giáo dục và cải tạo thành người công dân tốt sau này cũng như răn đe và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[6] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho hai bị cáo T và K như: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tuy nhiên, hai bị cáo T và K có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội từ 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Riêng bị cáo K bị áp dụng thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[7] Ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về phần tội danh, điều khoản truy tố cũng như mức hình phạt đề nghị áp dụng đối với 02 bị cáo T và K là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Hai bị cáo T và K không tranh luận về việc truy tố và luận tội của đại diện Viện kiểm sát, chấp nhận với mức hình phạt đã đề nghị, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt theo quy định.

[9] Ý kiến của bị hại T1và bị hai Tùng tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật.

[10] Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Liên và ông MINH là phù hợp với quy định của pháp luật.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản hai bị cáo T và K chiếm đoạt đã được thu hồi trao trả cho bị hại. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[12] Về biện pháp tư pháp:

[12.1] Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Mio Clacssico, biển số 54Y4 - 5187, số máy 4D11- 013113, số khung 4D1107Y – 013113 kèm theo 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 54Y4 - 5187, đây là phương tiện hai bị cáo T và K dùng thực hiện tội phạm nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[12.2] Đối với 01 cái cờ lê hiệu 12 CHROME VANADIUM 12, 01 cái cờ lê hiệu 13 CHROME VANADIUM 13, 01 cái mỏ lết hiệu FORGED STEEL, 01 cái kéo hiệu A02, đây là công cụ hai bị cáo T và K dùng thực hiện tội phạm, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[13] Bị cáo T và bị cáo K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, đối với bị cáo Lê Anh T.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, đối với bị cáo Nguyễn Anh K.

- Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Hình phạt:

1.1. Tuyên bố bị cáo Lê Anh T phạm tội "Trộm cắp tài sản"; xử phạt bị cáo Lê Anh T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/4/2019.

1.2. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Anh K phạm tội "Trộm cắp tài sản"; xử phạt bị cáo Nguyễn Anh K 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/4/2019.

2. Trách nhiệm dân sự:

Tài sản hai bị cáo T và K chiếm đoạt đã được thu hồi trao trả cho bị hại. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về biện pháp tư pháp:

3.1. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Mio Clacssico, biển số 54Y4 - 5187, số máy 4D11- 013113, số khung 4D1107Y – 013113 kèm theo 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 54Y4 - 5187.

3.2. Tịch thu tiêu hủy 01 cái cờ lê hiệu 12 CHROME VANADIUM 12, 01 cái cờ lê hiệu 13 CHROME VANADIUM 13, 01 cái mỏ lết hiệu FORGED STEEL, 01 cái kéo hiệu A02.

(*Toàn bộ vật chứng hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/8/2019*).

4. Án phí hình sự sơ thẩm:

4.1. Bị cáo Lê Anh T phải chịu số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

4.2. Bị cáo Nguyễn Anh K phải chịu số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 06/9/2019).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV27 - CA tỉnh Bình Dương;
- Cơ quan CSĐT - CA H. Dầu Tiếng;
- Cơ quan THAHS&HTTT - CA H. Dầu Tiếng;
- CC THA DS H. Dầu Tiếng;
- UBND xã T, huyện C;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm MINH Đồng